TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 15 - 12 -2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn THnh

+ Bà Nguyễn Thị Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 14 và ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hoà tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021, Quyết tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, Thông báo tiếp tục xét xử vụ án dân sự số 787/2021/TB-TA ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T1, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai Quốc P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đội 3, thôn Q, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Mai Xuân H, sinh năm 1960

+ Bà Phan Thị X, sinh năm 1961

+ Ông Mai Quốc L, sinh năm 1983

+ Bà Mai Thị Tường V, sinh năm 1993

+ Ông Mai Quốc T, sinh năm 1990

+ Bà Mai Quốc T, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Đội 3, thôn Q, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Bà X có mặt; ông H, ông L, bà V, ông T, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 05/5/2020, ông Mai Quốc P có vay của bà Phạm Thị H số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, giữa hai bên có lập giấy vay mượn, ông P có ký xác nhận, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 05/5/2020 đến ngày 05/8/2020, việc vay mượn không có lãi suất. Đến nay, ông P còn nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng, vẫn chưa trả dù đã quá thời hạn thanh toán. Do ông P trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P trả lại cho bà H số tiền 20.000.000 đồng, bà H không yêu cầu ông P trả lãi suất đối với số tiền vay. Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2021, bà H yêu cầu ông P trả số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 01/6/2021 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu ông P pH trả cho bà H số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền thực tế hiện ông P còn nợ của bà H, số tiền 30.000.000 đồng do ông P chưa nhận nên bà H không yêu cầu.

- Theo bản tự khai ngày 29/9/2021 và phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2021, ngày 30/9/2021, bị đơn ông Mai Quốc P trình bày:

Ông P thừa nhận trong năm 2020, ông có vay của bà Phạm Thị H 03 đợt với tổng số tiền 90.000.000 đồng, cụ thể đợt 1: 50.000.000 đồng, đợt 2: 20.000.000 đồng, đợt 3: 20.000.000 đồng, ông P có ký giấy nhận nợ nhưng thời gian cụ thể ngày tháng năm vay tiền thì ông không nhớ. Sau đó, bà H có đến nH cha mẹ ông P đòi nợ. Cha mẹ ông P muốn trả nợ thay cho ông P nên đã thỏa thuận bán cho bà H thửa đất ruộng của gia đình (thửa đất số 292, tờ bản đồ số 11, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa) với giá 150.000.000 đồng để cấn trừ vào số tiền nợ 90.000.000 đồng của ông P và bà H, bà H thanh toán cho gia đình ông P số tiền còn lại là 60.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông P không đồng ý trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng vì ông P xác định không có nợ bà H số tiền trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Tại bản tự khai ngày 18/102021 và phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị X trình bày: Năm 2020, bà Phạm Thị H có đến nH bà X để đòi nợ con trai bà là Mai Quốc P. Bà X có hỏi bà H về số tiền nợ mà bà H đã cho ông P vay thì lúc đầu bà H trả lời 70.000.000 đồng, sau đó trả lời 90.000.000 đồng. Bà X muốn trả nợ cho ông P nhưng không có tiền mặt nên bà X và bà H thỏa thuận với nhau tại nH bà X về việc cấn trừ số tiền nợ của ông P qua việc bà H mua đất của gia đình bà X, cụ thể: bà H đồng ý mua đất ruộng của gia đình bà X thuộc thửa đất số 292, tờ bản đồ số 11, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa với giá 150.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền 90.000.000 đồng mà ông P còn nợ của bà H thì bà H pH thanh toán cho gia đình bà X số tiền còn lại là 60.000.000 đồng. Nên giữa bà H và gia đình bà X (gồm các ông, bà Mai Xuân H, Phan Thị X, Mai Quốc P, Mai Quốc L, Mai Quốc T, Mai Quốc T, Mai Thị Tường V) có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất ruộng nêu trên tại Phòng công chứng A. Giá trị chuyển nhượng thửa đất mà gia đình bà X và bà H thỏa thuận là

150.000.000 đồng nhưng để giảm thuế đất phải đóng cho nhà nước nước, giá chuyển nhượng của thửa đất được ghi trong hợp đồng ngày 06/5/2020 chỉ là 10.000.000 đồng. Sau đó, bà X có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Từ đó cho đến nay, bà X đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán cho gia đình bà X số tiền mua đất còn lại là 60.000.000 đồng nhưng bà H chỉ hứa hẹn mà không thanh toán cho gia đình bà X.

Tại đơn trình bày của ông Mai Quốc T, ông Mai Quốc L, ông Mai Quốc T, bà Mai Thị Tường V, ông Mai Xuân H nộp cho Tòa án nhân dân huyện D ngày 18/10/2021, các ông, bà trên đều khai: Việc ông Mai Quốc P có vay của bà Phạm Thì H số tiền bao nhiêu thì ông Mai Quốc T, ông Mai Quốc L, ông Mai Quốc T, bà Mai Thị Tường V, ông Mai Xuân H không rõ. Các ông, bà trên chỉ biết có việc vào năm 2020, gia đình ông, bà có bán cho bà H thửa đất ruộng với giá 150.000.000 đồng để cấn trừ vào số tiền ông P nợ của bà H, việc ký Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất ruộng được lập tại phòng công chứng A và các ông, bà H, X, L, T, T và V không có tranh chấp gì đối với tài sản trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn ông P xác định liên quan đến số tiền đã vay của bà H, ông P có vay bà H 03 lần, với tổng số tiền 140.000.000 đồng, mỗi lần vay có viết, ký xác nhận tại các giấy vay tiền ghi ngày 21/02/2020, ngày 24/3/2020 và 05/5/2020. Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng mà bà H yêu cầu ông P trả, theo ông P do trước đó ông có vay của bà H tổng cộng 120.000.000 đồng (ở giấy vay tiền ghi ngày 21/02/2020 và ngày 24/3/2020) vì ông P không trả được tiền lãi hàng tháng nên bà H có đến gia đình ông đòi nợ, gia đình ông P đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà H thửa đất ruộng của gia đình tại xã D vào ngày 06/5/2020 tại Văn phòng công chứng A, với giá chuyển nhượng 150.000.000đ để cấn trừ số nợ trên cho ông. Trước ngày ra ký hợp đồng chuyển nhượng đất, vào ngày 05/5/2020, ông P có ký giấy vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng nhưng chưa nhận được số tiền vay trên. Sau ngày ký xong hợp đồng chuyển nhượng đất, ông P có nhận của bà H 20.000.000 đồng mục đích để trừ vào số tiền 30.000.000 đồng mà bên bà H còn phải thanh toán lại cho gia đình ông P. Do đó, ông P không đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H vì số tiền này đã được trừ vào số tiền 30.000.000 đồng mà bà H pH thanh toán lại cho gia đình ông P tại hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng ngày 06/5/2020.

Nguyên đơn bà H tại phiên tòa trình bày: Khoản tiền 20.000.000 đồng là số tiền mà ông P nhận vay mượn tiếp của bà H sau ngày ký hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng; về nội dung của hợp đồng chuyển nhượng thửa đất ruộng ngày 06/5/2020, giữa bà H và ông P đã thực hiện xong, mục đích để cấn trừ cho khoản nợ 120.000.000 đồng ở giấy vay tiền ngày 21/02/2020 và ngày 24/3/2020 mà ông P đã vay của bà H trước đó theo như thỏa thuận giữa bà H với ông P về giá trị chuyển nhượng của thửa đất ruộng là 120.000.000 đồng, do đó bà H không đồng ý với ý kiến trên của ông P; bà H vẫn giữ yêu cầu ông P phải trả số tiền nợ 20.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Hội đồng xét xử xác định đúng thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, cấp

tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã chấp Hnh đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông P phải thanh toán cho bà H số tiền 20.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn ông P phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Quốc T, ông Mai Quốc L, ông Mai Quốc T, bà Mai Thị Tường V, ông Mai Xuân H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Thông báo thụ lý vụ án số 42/2021/TLST-DS ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân huyện D xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án giữa nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn ông Mai Quốc P là "Tranh chấp về đòi lại tài sản". Tuy nhiên, căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn ông Mai Quốc P và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện có việc bị đơn vay mượn tiền của nguyên đơn, giữa hai bên có lập giấy vay ngày 05/5/2020, cùng thỏa thuận thời hạn trả trong vòng 03 tháng từ ngày 05/5/2020 đến ngày 05/8/2020. Kể từ ngày phát sinh quyền và nghĩa vụ nêu trên, nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện D thì vẫn trong thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 429, Điều 463 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử xác định lại chính xác quan hệ tranh chấp trong vụ án trên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Mai Quốc P có địa chỉ nơi cư trú tại huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền vay, bà H chỉ yêu cầu bị đơn ông Mai Quốc P trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng tại giấy vay tiền lập ngày 05/5/2020, không yêu cầu trả lãi suất; số tiền 30.000.000 đồng do ông P chưa nhận nên bà H không yêu cầu. Xét việc bà H rút yêu cầu đối với số tiền 30.000.000 đồng là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu trên của bà H.

Liên quan đến yêu cầu bị đơn ông P trả số tiền 20.000.000 đồng của nguyên đơn bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bị đơn ông P vay số tiền trên là có thật, điều này thể hiện tại phiên tòa ông P thừa nhận có nhận của bà H số

tiền 20.000.000 đồng, có ký giấy vay tiền lập ngày 05/5/2020 nên việc vay mượn trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên và bên bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện cam kết theo như giấy vay tiền đã lập. Tại Tòa, ông P không đồng ý thanh toán số tiền 20.000.000 đồng cho nguyên đơn bà H. Với lý do ông P cho rằng ông nhận số tiền 20.000.000 đồng của bà H sau ngày ký hợp đồng chuyển nhượng đất là để trừ vào số tiền 30.000.000 đồng mà bà H còn pH thanh toán cho gia đình ông P liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng thửa đất ruộng lập ngày 06/5/2020 với giá nhận chuyển nhượng 150.000.000 đồng xuất phát từ việc cấn trừ số nợ 120.000.000 đồng mà ông P đã vay của bà H trước đó (tại giấy vay tiền ghi ngày 21/02/2020 và ngày 24/3/2020 do nguyên đơn bà H đã nộp cho Tòa án), Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên đơn bà H không thừa nhận có việc trừ số tiền 20.000.0000 đồng tại hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng ngày 06/5/2020; nội dung thực hiện giao dịch nhận số tiền vay mượn 20.000.0000 đồng giữa ông P, bà H phát sinh sau ngày ký hợp đồng chuyển nhượng đất và hai quan hệ pháp luật dân sự này khác nhau. Mặt khác, bản thân ông P cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh giữa ông và bà H có thỏa thuận với nhau sẽ trừ số tiền 20.000.000 đồng vào số tiền của hợp đồng chuyển nhượng thửa đất ruộng ngày 06/5/2020 mà bà H còn phải thanh toán cho gia đình ông. Ngoài ra, theo bà X trình bày tại phiên tòa, khi ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất ruộng ngày 06/5/2020, gia đình bà X thống nhất bán thửa đất ruộng cho bà H với giá 150.000.000 đồng, tại thời điểm đó gia đình bà X chỉ biết số tiền cấn trừ nợ cho ông P là 90.000.000 đồng, số tiền còn lại 60.000.000 đồng của hợp đồng chuyển nhượng đất bên bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho gia đình bà X. Vì vậy, việc ông P nhận của bà H số tiền 20.000.000 đồng sau ngày ký hợp đồng chuyển nhượng đất nhằm mục đích để trừ vào số tiền còn lại của hợp đồng trên thì những người có quyền về tài sản trên (ông Mai Xuân H, bà Phan Thị X, ông Mai Quốc L, ông Mai Quốc T, ông Mai Quốc T, bà Mai Thị Tường V) hoàn toàn không biết và chưa có sự đồng ý của họ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét có cơ sở để chấp nhận nội dung yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông P pH thanh toán cho bà H số tiền vay còn nợ 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn bà H không yêu cầu trả lãi liên quan đến số tiền 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với giao dịch của hợp đồng chuyển nhượng thửa đất ruộng lập ngày 06/5/2020, ông P, ông H, bà X, ông L, ông T, ông T và bà V có thể khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết bằng một vụ án tranh chấp dân sự khác với bà H nếu có căn cứ cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm liên quan đến các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên bị đơn ông P pH nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Mai Quốc P thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với nội dung yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị H về số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tại giấy vay lập ngày 05/5/2020.

3. Về án phí: Bị đơn ông Mai Quốc P nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị H 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0007402 ngày 19/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - tỉnh Khánh Hòa.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân H, ông Mai Quốc L, ông Mai Quốc T, ông Mai Quốc T, bà Mai Thị Tường Vvắng mặt tại phiên tòa; bà Phạm Thị X vắng mặt tại phần tuyên án có quyền kháng cáo bản án bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ